

# LỊCH THI HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2020-2021

## CÁC LỚP CHÍNH QUÝ

(Tuần lễ từ 07/6 đến 13/6/2021)

| NGÀY THI   | THỨ | GIỜ   | THỦ KÝ                  | LỚP      | Mã LHP       | MÔN THI                                          | PHÒNG THI | CÁN BỘ COI THI |
|------------|-----|-------|-------------------------|----------|--------------|--------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 07/06/2021 | 2   | 9h30  | Cô Diễm<br>Thầy Duy Anh | CNTP0218 | 010100086701 | Công nghệ chế biến rau quả                       | C101      | 4CNTP          |
|            |     |       |                         | CNTP0118 | 010100086702 | Công nghệ chế biến rau quả                       | C105      | 4KHCB          |
|            |     |       |                         | QLCN0119 | 010100142201 | Phương pháp định lượng trong quản lý và thực tập | C305      | 2KTXD          |
|            |     |       |                         | QLCN0119 | 010100142201 | Phương pháp định lượng trong quản lý và thực tập | C306      | 2CNTT          |
|            |     |       |                         | ĐKTĐ0118 | 010100144001 | Điều khiển thông minh                            | C106      | 2QLCN          |
|            |     |       |                         | CNXD0119 | 010100181901 | Nguyên lý cấu tạo kiến trúc                      | C201      | 2ĐTVT          |
|            |     |       |                         | CNXD0119 | 010100181901 | Nguyên lý cấu tạo kiến trúc                      | C202      | 2KTCK          |
|            |     |       |                         | QLXD0119 | 010100181902 | Nguyên lý cấu tạo kiến trúc                      | C102      |                |
|            |     |       |                         | QLXD0119 | 010100181902 | Nguyên lý cấu tạo kiến trúc                      | C103      |                |
|            |     | 13h30 | Cô Diễm<br>Thầy Duy Anh | KTPM0120 | 010100054504 | Kỹ thuật lập trình                               | C101      | 3CNTT          |
|            |     |       |                         | KTPM0120 | 010100054504 | Kỹ thuật lập trình                               | C102      | 3KTXD          |
|            |     |       |                         | KTPM0220 | 010100054507 | Kỹ thuật lập trình                               | C103      | 3QLCN          |

|          |              |                    |      |       |
|----------|--------------|--------------------|------|-------|
| KTPM0220 | 010100054507 | Kỹ thuật lập trình | C203 | 2KTCK |
| CDT0119  | 010100117801 | Kỹ thuật lập trình | C201 | 4CNTP |
| CDT0119  | 010100117801 | Kỹ thuật lập trình | C202 | 4KHCB |
| DIEN0119 | 010100117802 | Kỹ thuật lập trình | C305 | 3ĐTVT |
| DIEN0119 | 010100117802 | Kỹ thuật lập trình | C303 |       |
| ĐKTĐ0119 | 010100117803 | Kỹ thuật lập trình | C105 |       |
| KHMT0118 | 010100181201 | Máy học            | C205 |       |
| KHMT0118 | 010100181201 | Máy học            | C206 |       |
| KHDL0120 | 010100054501 | Kỹ thuật lập trình | C201 | 4CNTT |
| KHDL0120 | 010100054501 | Kỹ thuật lập trình | C202 | 3KHCB |
| HTTT0120 | 010100054502 | Kỹ thuật lập trình | C105 | 3CNTP |
| HTTT0120 | 010100054502 | Kỹ thuật lập trình | C106 | 3QLCN |
| KHMT0120 | 010100054503 | Kỹ thuật lập trình | C205 | 3KTXD |
| KHMT0120 | 010100054503 | Kỹ thuật lập trình | C206 | 2ĐTVT |
| CNTT0120 | 010100054505 | Kỹ thuật lập trình | C101 | 2KTCK |
| CNTT0120 | 010100054505 | Kỹ thuật lập trình | C102 |       |
| CNTT0220 | 010100054506 | Kỹ thuật lập trình | C103 |       |

15h30

Cô  
Diễm  
  
Thầy  
Duy  
Anh

|            |   |      |                                      |          |              |                                                   |      |       |
|------------|---|------|--------------------------------------|----------|--------------|---------------------------------------------------|------|-------|
|            |   |      |                                      | CNTT0220 | 010100054506 | Kỹ thuật lập trình                                | C203 |       |
| 08/06/2021 | 3 | 7h00 | Cô<br>Diễm<br><br>Thầy<br>Duy<br>Anh | CNXD0117 | 010100212001 | Phân tích và đánh<br>giá dự án đầu tư xây<br>dựng | C206 | 4CNTT |
|            |   |      |                                      | KTPM0120 | 010100240601 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C101 | 3KHCB |
|            |   |      |                                      | KTPM0120 | 010100240601 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C102 | 3CNTP |
|            |   |      |                                      | KTPM0220 | 010100240602 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C103 | 2QLCN |
|            |   |      |                                      | KTPM0220 | 010100240602 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C203 | 2KTXD |
|            |   |      |                                      | KHMT0119 | 010100240604 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C201 | 2ĐTVT |
|            |   |      |                                      | KHMT0119 | 010100240604 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C202 | 2KTCK |
|            |   |      |                                      | KTPM0119 | 010100240605 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C105 |       |
|            |   |      |                                      | KTPM0219 | 010100240606 | Ngôn ngữ lập trình 2                              | C106 |       |
|            |   | 9h30 | Cô<br>Diễm<br><br>Thầy<br>Duy<br>Anh | CDT0117  | 010100073801 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C103 | 4QLCN |
|            |   |      |                                      | CDT0117  | 010100073801 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C203 | 2ĐTVT |
|            |   |      |                                      | DIEN0117 | 010100073802 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C105 | 3KTCK |
|            |   |      |                                      | DIEN0117 | 010100073802 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C106 | 2KTXD |
|            |   |      |                                      | HTCN0119 | 010100073803 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C201 | 3CNTT |
|            |   |      |                                      | HTCN0119 | 010100073803 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C202 | 3KHCB |
|            |   |      |                                      | QLCN0119 | 010100073804 | Quản lý bảo trì công<br>nghiệp                    | C205 | 3CNTP |

|       |                                      |               |              |                                          |      |       |
|-------|--------------------------------------|---------------|--------------|------------------------------------------|------|-------|
|       |                                      | QLCN0119      | 010100073804 | Quản lý bảo trì công nghiệp              | C206 |       |
|       |                                      | LOGISTICS0119 | 010100234301 | Pháp luật về Logistics                   | C101 |       |
|       |                                      | LOGISTICS0119 | 010100234301 | Pháp luật về Logistics                   | C102 |       |
| 13h30 | Cô<br>Diễm<br><br>Thầy<br>Duy<br>Anh | DIEN0119      | 010100117901 | Cơ sở kỹ thuật điện                      | C101 | 3ĐTVT |
|       |                                      | DIEN0119      | 010100117901 | Cơ sở kỹ thuật điện                      | C102 | 3KTCK |
|       |                                      | HTTT0118      | 010100139001 | An toàn và bảo mật thông tin             | C105 | 4CNTT |
|       |                                      | HTTT0118      | 010100139001 | An toàn và bảo mật thông tin             | C103 | 3QLCN |
|       |                                      | QLCN0118      | 010100146701 | Quản trị tài chính                       | C205 | 3CNTP |
|       |                                      | QLCN0118      | 010100146701 | Quản trị tài chính                       | C206 | 3KTXD |
|       |                                      | CDT0119       | 010100175001 | Vật liệu và gia công cơ khí              | C201 | 3KHCB |
|       |                                      | CDT0119       | 010100175001 | Vật liệu và gia công cơ khí              | C202 |       |
|       |                                      | KHMT0118      | 010100181301 | Xử lý Ngôn ngữ tự nhiên                  | C203 |       |
|       |                                      | KHMT0118      | 010100181301 | Xử lý Ngôn ngữ tự nhiên                  | C301 |       |
|       |                                      | CNSH0118      | 010100220801 | An toàn thực phẩm                        | C106 |       |
|       |                                      |               |              |                                          |      |       |
| 15h30 | Cô<br>Diễm<br><br>Thầy<br>Duy<br>Anh | CNTP0218      | 010100087502 | Công nghệ chế biến thịt và sản phẩm thịt | C101 | 2ĐTVT |
|       |                                      | CNTP0218      | 010100087502 | Công nghệ chế biến thịt và sản phẩm thịt | C102 | 2KTCK |
|       |                                      | HTCN0117      | 010100144101 | Công nghệ sản xuất sạch hơn              | C105 | 2CNTT |

|            |   |      |                                   |          |              |                                  |      |       |
|------------|---|------|-----------------------------------|----------|--------------|----------------------------------|------|-------|
|            |   |      |                                   | QLXD0120 | 010100170301 | Thống kê ứng dụng trong xây dựng | C205 | 3QLCN |
|            |   |      |                                   | QLXD0120 | 010100170301 | Thống kê ứng dụng trong xây dựng | C206 | 3CNTP |
|            |   |      |                                   | QLXD0118 | 010100194101 | Kỹ thuật thi công                | C203 | 3KTXD |
|            |   |      |                                   | CNSH0120 | 010100213901 | Di truyền học đại cương          | C201 | 3KHCB |
|            |   |      |                                   | CNSH0120 | 010100213901 | Di truyền học đại cương          | C202 |       |
|            |   |      |                                   | CNSH0119 | 010100219501 | Kỹ thuật phân tích và thiết bị   | C103 |       |
| 09/06/2021 | 4 | 7h00 | Thầy<br>Duy Anh<br><br>Cô<br>Diễm | HTCN0119 | 010100072901 | Kỹ thuật điện đại cương          | C306 | 4CNTT |
|            |   |      |                                   | CNTP0118 | 010100086601 | Công nghệ chế biến lương thực    | C205 | 3CNTP |
|            |   |      |                                   | CNTP0118 | 010100086601 | Công nghệ chế biến lương thực    | C206 | 3KHCB |
|            |   |      |                                   | KHDL0120 | 010100229501 | Cấu trúc dữ liệu                 | C106 | 2KTXD |
|            |   |      |                                   | KHMT0120 | 010100229502 | Cấu trúc dữ liệu                 | C105 | 3QLCN |
|            |   |      |                                   | KHMT0120 | 010100229502 | Cấu trúc dữ liệu                 | C103 | 2ĐTVT |
|            |   |      |                                   | CNTT0120 | 010100229503 | Cấu trúc dữ liệu                 | C101 | 3KTCK |
|            |   |      |                                   | CNTT0120 | 010100229503 | Cấu trúc dữ liệu                 | C102 |       |
|            |   |      |                                   | CNTT0220 | 010100229504 | Cấu trúc dữ liệu                 | C201 |       |
|            |   |      |                                   | CNTT0220 | 010100229504 | Cấu trúc dữ liệu                 | C202 |       |
|            |   | 9h30 | Thầy<br>Duy Anh                   | ĐKTĐ0118 | 010100120401 | Điều khiển mờ                    | C101 | 2CNTP |

|  |       |                                      |          |              |                                    |      |       |
|--|-------|--------------------------------------|----------|--------------|------------------------------------|------|-------|
|  |       | Cô<br>Diễm                           | ĐKTĐ0118 | 010100120401 | Điều khiển mờ                      | C102 | 2KHCB |
|  |       |                                      | CDT0118  | 010100176301 | Robot công nghiệp                  | C205 | 2QLCN |
|  |       |                                      | CDT0118  | 010100176301 | Robot công nghiệp                  | C206 | 2KTXD |
|  |       |                                      | CNTP0117 | 010100199101 | Phụ gia thực phẩm                  | C105 | 2ĐTVT |
|  |       |                                      | CNTP0117 | 010100199101 | Phụ gia thực phẩm                  | C106 | 2KTCK |
|  |       |                                      | QLXD0118 | 010100213001 | Quản trị nhân sự<br>trong xây dựng | C201 | 2CNTT |
|  | 13h30 | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | CDT0119  | 010100078601 | Cơ sở điều khiển tự<br>động        | C101 | 2KTCK |
|  |       |                                      | CDT0119  | 010100078601 | Cơ sở điều khiển tự<br>động        | C102 | 2ĐTVT |
|  |       |                                      | ĐKTĐ0119 | 010100078602 | Cơ sở điều khiển tự<br>động        | C105 | 4CNTT |
|  |       |                                      | HTTT0118 | 010100091501 | Lập trình Java 2                   | C305 | 2KTXD |
|  |       |                                      | HTTT0118 | 010100091501 | Lập trình Java 2                   | C306 | 2QLCN |
|  |       |                                      | KHMT0118 | 010100092201 | Hệ thống thông tin<br>địa lý       | C201 | 3CNTP |
|  |       |                                      | KHMT0118 | 010100092201 | Hệ thống thông tin<br>địa lý       | C202 | 3KHCB |
|  |       |                                      | KTPM0118 | 010100138601 | Kiểm thử phần mềm                  | C205 |       |
|  |       |                                      | KTPM0118 | 010100138601 | Kiểm thử phần mềm                  | C206 |       |
|  | 15h30 | Thầy<br>Duy<br>Anh                   | HTCN0118 | 010100075701 | Hệ thống thông tin<br>quản lý      | C101 | 2CNTT |
|  |       |                                      | HTCN0118 | 010100075701 | Hệ thống thông tin<br>quản lý      | C102 | 2QLCN |

|            |   |      |                                      |          |              |                                 |      |       |
|------------|---|------|--------------------------------------|----------|--------------|---------------------------------|------|-------|
| 10/06/2021 | 5 | 7h00 | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | QLCN0118 | 010100075702 | Hệ thống thông tin quản lý      | C105 | 2CNTP |
|            |   |      |                                      | QLCN0118 | 010100075702 | Hệ thống thông tin quản lý      | C106 | 2KHCB |
|            |   |      |                                      | HTTT0119 | 010100090001 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C101 | 4CNTT |
|            |   |      |                                      | HTTT0119 | 010100090001 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C102 | 3CNTP |
|            |   |      |                                      | KHDL0119 | 010100090002 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C105 | 3KHCB |
|            |   |      |                                      | KHMT0119 | 010100090003 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C201 | 2KTXD |
|            |   |      |                                      | KHMT0119 | 010100090003 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C202 | 2QLCN |
|            |   |      |                                      | KTPM0119 | 010100090004 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C103 | 2ĐTVT |
|            |   |      |                                      | KTPM0119 | 010100090004 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C203 | 2KTCK |
|            |   |      |                                      | KTPM0219 | 010100090005 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu       | C106 |       |
|            |   |      |                                      | QLXD0116 | 010100185701 | Kết cấu bê tông cốt thép 1      | C301 |       |
|            |   | 9h30 | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | ĐKTĐ0119 | 010100078202 | Mạch điện tử                    | C105 | 2CNTP |
|            |   |      |                                      | DIEN0117 | 010100082801 | Ổn định hệ thống điện           | C205 | 2KHCB |
|            |   |      |                                      | DIEN0117 | 010100082801 | Ổn định hệ thống điện           | C206 | 2ĐTVT |
|            |   |      |                                      | CNTP0218 | 010100086801 | Công nghệ chế biến thủy hải sản | C106 | 2KTXD |
|            |   |      |                                      | CNTP0118 | 010100086802 | Công nghệ chế biến thủy hải sản | C101 | 2CNTT |
|            |   |      |                                      | CNTP0118 | 010100086802 | Công nghệ chế biến thủy hải sản | C102 | 2KTCK |

|            |   |       |                                      |               |              |                                                    |      |                |
|------------|---|-------|--------------------------------------|---------------|--------------|----------------------------------------------------|------|----------------|
|            |   | 13h30 | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | HTTT0118      | 010100057201 | Tin học đại cương                                  | C303 | 2CNTT          |
|            |   |       |                                      | HTCN0118      | 010100074401 | Kỹ thuật ra quyết định                             | C201 | 2QLCN          |
|            |   |       |                                      | HTCN0118      | 010100074401 | Kỹ thuật ra quyết định                             | C202 | 2KHCB          |
|            |   |       |                                      | QLCN0118      | 010100076901 | Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm đại cương | C102 | 3KTXD          |
|            |   |       |                                      | QLCN0118      | 010100076901 | Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm đại cương | C103 | 2KTCK          |
|            |   |       |                                      | CNXD0118      | 010100182501 | Anh văn chuyên ngành xây dựng                      | C101 | 2ĐTVT          |
|            |   |       |                                      | QLXD0118      | 010100183401 | Quản lý đấu thầu                                   | C301 | 3CNTP          |
|            |   |       |                                      | QLXD0118      | 010100183401 | Quản lý đấu thầu                                   | C302 |                |
|            |   | 15h30 | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | HTCN0117      | 010100148401 | Quản trị doanh nghiệp                              | C205 | 2QLCN          |
|            |   |       |                                      | CDT0120       | 010100175101 | Kỹ thuật điện B                                    | C105 | 2KHCB          |
|            |   |       |                                      | CDT0120       | 010100175101 | Kỹ thuật điện B                                    | C106 | 2KTXD          |
|            |   |       |                                      | CNSH0118      | 010100221001 | Công nghệ sinh học thực phẩm                       | C206 | 2CNTT          |
|            |   |       |                                      | LOGISTICS0119 | 010100234101 | Kinh tế vận tải                                    | C101 | 2CNTP          |
|            |   |       |                                      | LOGISTICS0119 | 010100234101 | Kinh tế vận tải                                    | C102 | 1ĐTVT<br>1KTCK |
| 11/06/2021 | 6 | 7h00  | Thầy<br>Duy<br>Anh<br><br>Cô<br>Diễm | CNSH0120      | 010100054701 | Đại số tuyến tính                                  | C106 | 4KHCB          |
|            |   |       |                                      | CNSH0120      | 010100054701 | Đại số tuyến tính                                  | C105 | 4CNTP          |
|            |   |       |                                      | ĐKTĐ0120      | 010100054702 | Đại số tuyến tính                                  | C205 | 3CNTT          |



|       |              |               |              |                                                |             |                  |
|-------|--------------|---------------|--------------|------------------------------------------------|-------------|------------------|
|       |              | ĐKTĐ0120      | 010100054702 | Đại số tuyến tính                              | C206        | 3QLCN            |
|       |              | CDT0120       | 010100054703 | Đại số tuyến tính                              | C305        | 3ĐTVT<br>(coipm) |
|       |              | CDT0120       | 010100054703 | Đại số tuyến tính                              | C306        | 2KTCK            |
|       |              | HTTT0120      | 010100054704 | Đại số tuyến tính                              | C406        | 3KTXD            |
|       |              | HTTT0120      | 010100054704 | Đại số tuyến tính                              | C506        |                  |
|       |              | DIEN0119      | 010100078401 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật điện                   | Phòng máy 1 |                  |
|       |              | DIEN0119      | 010100078401 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật điện                   | Phòng máy 2 |                  |
|       |              | DIEN0119      | 010100078401 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật điện                   | Phòng máy 4 |                  |
| 9h30  | Thầy Duy Anh | HTCN0118      | 010100074101 | Quản lý công nghệ                              | C101        | 1QLCN<br>1KHCB   |
|       |              | HTCN0118      | 010100074101 | Quản lý công nghệ                              | C102        | 1CNTP<br>1CNTT   |
| 13h30 | Thầy Duy Anh | HTTT0117      | 010100093601 | Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện                | C101        | 2CNTT            |
|       |              | HTTT0117      | 010100093601 | Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện                | C102        | 2QLCN            |
|       |              | LOGISTICS0120 | 010100174201 | Vẽ kỹ thuật                                    | C105        | 2KTXD            |
|       |              | LOGISTICS0120 | 010100174201 | Vẽ kỹ thuật                                    | C106        | 2CNTP            |
| 15h30 | Thầy Duy Anh | CNTP0218      | 010100087101 | Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát | C105        | 2CNTT            |
|       |              | CNTP0118      | 010100087102 | Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát | C103        | 2QLCN            |
|       |              | CNTP0118      | 010100087102 | Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát | C102        | 2KTXD            |

|            |   |       |                         |               |              |                                                |      |                |
|------------|---|-------|-------------------------|---------------|--------------|------------------------------------------------|------|----------------|
|            |   |       |                         | CNSH0118      | 010100087103 | Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát | C106 | 2CNTP          |
| 12/06/2021 | 7 | 7h00  | Cô Diễm<br>Thầy Duy Anh | ĐKTĐ0118      | 010100080901 | Kỹ thuật cảm biến                              | C105 | 2CNTT          |
|            |   |       |                         | ĐKTĐ0118      | 010100080901 | Kỹ thuật cảm biến                              | C106 | 2QLCN          |
|            |   |       |                         | CDT0118       | 010100080902 | Kỹ thuật cảm biến                              | C205 | 2KHCB          |
|            |   |       |                         | KHMT0118      | 010100093702 | Tương tác người - máy                          | C101 | 2CNTP          |
|            |   |       |                         | KHMT0118      | 010100093702 | Tương tác người - máy                          | C102 | 2ĐTVT          |
|            |   |       |                         | KHMT0118      | 010100093702 | Tương tác người - máy                          | C103 | 2KTCK          |
|            |   | 9h30  | Cô Diễm                 | LOGISTICS0120 | 010100146401 | Kế toán đại cương                              | C109 | 2QLCN          |
|            |   |       |                         | LOGISTICS0120 | 010100146401 | Kế toán đại cương                              | C108 | 2CNTP          |
|            |   |       |                         | HTCN0119      | 010100146402 | Kế toán đại cương                              | C107 | 2KHCB          |
|            |   |       |                         | QLCN0119      | 010100146403 | Kế toán đại cương                              | C209 | 2CNTT          |
|            |   |       |                         | QLCN0119      | 010100146403 | Kế toán đại cương                              | C208 | 1ĐTVT<br>1KTCK |
|            |   | 13h30 | Cô Diễm                 | KHMT0117      | 010100139401 | Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở            | C101 | 1ĐTVT<br>1KTCK |
|            |   |       |                         | KHMT0117      | 010100139401 | Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở            | C102 | 2CNTT          |
|            |   | 15h30 | Cô Diễm                 | CDT0117       | 010100174601 | Chi tiết máy                                   | C101 | 1ĐTVT<br>1KTCK |

**\* Ghi chú:**

**Sinh viên khi đi thi cần thực hiện các yêu cầu sau:**

1/Mang theo thẻ sinh viên, CMND hoặc bằng lái xe

2/Sinh viên đến phòng thi trước 15 phút

3/Sau khi mở đề thi, sinh viên vào trễ 15 phút không được dự thi

4/Sinh viên xem lịch thi trên trang WEB: [www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn) hoặc lịch thi dán trước phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí

**\* Trục thi trong giờ hành chính:**

Trịnh Đình Sơn

*Cần Thơ, ngày 01 tháng 6 năm 2021*

**P.TRƯỞNG PHÒNG**

Đã ký

**Trịnh Đình Sơn**